

*Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2021
V/v: L hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh

- *Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Võ Thu
- Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 314/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về L hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Me L, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm: 1994; địa chỉ: Tổ dân phố Tân Hòa 2, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Me L trình bày:

- Về yêu cầu L hôn: Năm 2019, bà và ông D tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2019, ngày 17/9/2019. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp. Bản thân ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác rồi luôn kiếm cớ kinh cãi, xúc phạm bà L và gia đình. Tháng 10/2020, vợ chồng sống L thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà L không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu Tòa án giải quyết L hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L xác định vợ chồng không có con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu D trình bày:

- Về yêu cầu L hôn: Ông D thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian, địa điểm kết hôn. Quá trình chung sống, ông D thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu

thuần, cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông D có nói lời lẽ nặng nề chứ không có ý xúc phạm bà L. Ông D cho rằng bà L hiểu lầm chuyện ông có quan hệ tình cảm với người khác. Hai bên sống L thân từ tháng 10/2020 đến nay. Ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác.

Nay bà L xin L hôn, ông D không đồng ý vì còn tình cảm với bà L, tuy nhiên ông D không đưa ra được biện pháp để hàn gắn gia đình.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông D xác định vợ chồng không có con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Me L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về L hôn giữa bà Huỳnh Thị Me L và ông Nguyễn Hữu D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 16/4/2021, ngày 07/5/2021; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về yêu cầu L hôn: bà L và ông D tự nguyện kết hôn với nhau năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2019, ngày 17/9/2019; đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương và tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng kinh cãi, xúc phạm nhau. Bà L và ông D sống L thân từ tháng 10/2020, không còn quan tâm đến nhau. Hai bên đã tự hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Bà L xác định không còn tình cảm với ông D nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông D cho rằng vẫn còn tình cảm với bà L nhưng không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà L được L hôn với ông D.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông D xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về L hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Me L được L hôn với ông Nguyễn Hữu D.
2. Về tài sản chung và nợ chung: bà Huỳnh Thị Me L và ông Nguyễn Hữu D được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.
3. Về án phí: bà Huỳnh Thị Me L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về L hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008486 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về L hôn.
4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã V;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh